TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 26/2020/QĐST-DS	*B, ngày 07 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành lập ngày 30 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 73/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** *Nguyên đơn*:** Vợ chồng ông **Trần Phước L**, sinh năm: 1951 và bà **Phan Thị V**, sinh năm: 1955. Địa chỉ cư trú: Thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (Ông Trần Phước L ủy quyền cho bà Phan Thị V tham gia tố tụng).

*** *Bị đơn*:** Vợ chồng ông **Trần Bảo T**, sinh năm: 1979 và bà **Phan Quế Tr,** sinh năm: 1980. Địa chỉ cư trú: Thôn 9, xã X, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2- Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Vợ chồng ông Trần Bảo T, bà Phan Quế Tr phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Trần Phước L, bà Phan Thị V tổng số tiền là **1.220.000.000đ** (*Một tỷ hai trăm hai mươi triệu đồng).* Trong đó: Tiền gốc là 1.180.000.000đ; Tiền lãi là 40.000.000đ. Thời hạn trả nợ được chia làm 03 lần, cụ thể như sau:

- Lần 01: Tháng 10/2020 trả 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*);
- Lần 02: Tháng 11/2020 trả 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*);
- Lần 03: Tháng 12/2020 trả 620.000.000đ (*Sáu trăm hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.3- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*".

Vợ chồng ông Trần Bảo T, bà Phan Quế Tr phải chịu **12.150.000đ** (*Mười hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng ông Trần Phước L, bà Phan Thị V được miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*".

3- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4- Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện B;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Đức Trường